

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **La Thu H**, sinh năm 1990; trú tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh **Nông Quang T**, sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị La Thu H và anh Nông Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị La Thu H và anh Nông Quang T cùng thỏa thuận chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- **Về con chung:** Chị H và anh T có một con chung tên Nông Thành N, sinh ngày 28/12/2013 (giới tính: Nam), hiện đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận cháu N sẽ do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày quyết định này có hiệu lực.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Đối với số tiền anh Nông Quang T vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh Cao Bằng, chị H là người có liên quan. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ ngân hàng, chị H không có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Các tài sản khác hai bên đã tự thỏa thuận được với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị La Thu H và anh Nông Quang T mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Chị H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm để giải quyết ly hôn là 150.000 đồng. Ngoài ra, chị H tự nguyện nộp thay phần án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Nông Quang T là 150.000 đồng.

Xác nhận chị La Thu H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số AA/2011/02146 ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Các đương sự đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND TT. T, huyện T, Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Thụ